

Bản án số: **250/2025/DS-PT**
Ngày 15 tháng 7 năm 2025
(V/v tranh chấp HĐ mua bán)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ninh Quang Thế**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn A Đam**

Bà **Đinh Cẩm Đào**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Ngọc Chơn** – Là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Diễm Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025 tại Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 162/2025/TLPT-DS ngày 29/5/2025 về việc tranh chấp HĐ mua bán.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 95/2025/DS-ST ngày 23/4/2025 của Toà án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 193/2025/QĐ-PT ngày 13/6/2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Võ Văn Q**, sinh năm 1964; Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã P, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc A**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Khóm A, xã C, tỉnh Cà Mau; Là người đại diện theo ủy quyền của ông Q theo văn bản ủy quyền ngày 03/6/2024 (có mặt).

2. **Bị đơn:**

- Anh **Võ Hoàng L**, sinh năm 1973; Địa chỉ cư trú: ấp Đ, xã P, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Ông **Võ Văn T**, sinh năm 1953 và bà **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1954; Địa chỉ: ấp Đ, xã P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Chị **Trần Thị K**, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: ấp Đ, xã P, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- **Người kháng cáo:** Ông **Võ Văn Q** là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, ông **Võ Văn Q** (nguyên đơn) cùng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Do quen biết với vợ chồng ông **Võ Văn T** nên từ ngày

08/01/2019 đến ngày 26/8/2021, ông Võ Văn Q đã đầu tư bán thuốc, men xử lý nuôi tôm cho vợ chồng ông T cùng các con ông T để nuôi tôm công nghiệp, cụ thể: Ông T cùng anh L mua thuốc, men xử lý nuôi tôm của ông nhiều lần và anh L có chót số tiền nợ còn thiếu ông Q là 196.779.000 đồng. Sau đó, gia đình anh L có trả được 60.000.000 đồng, hiện còn nợ lại ông Q số tiền 136.779.000 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng) đến nay chưa trả nên ông Q yêu cầu ông T, bà L1, anh L và chị K là vợ của anh L trả một lần hết số tiền nợ nêu trên bởi vợ chồng anh L chung sống với vợ chồng ông T, việc nuôi tôm nhằm mục đích phục vụ cho sinh hoạt trong gia đình, riêng ông Võ Văn K1 thì ông Q không yêu cầu cùng có trách nhiệm trả nợ. Ngoài ra, ông Q không yêu cầu thêm khoản nào khác.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, anh Võ Hoàng L (bị đơn) trình bày: Anh và chị Trần Thị K là vợ chồng. Vào ngày 08/01/2019, anh với ông Võ Văn Q thỏa thuận miệng với nhau việc ông Q đầu tư bán thuốc, men xử lý nuôi tôm công nghiệp cho vợ chồng anh. Quá trình lấy thuốc, men xử lý cho đến ngày 26/8/2021, giữa hai bên mới ngừng làm ăn với nhau. Trong quá trình làm ăn, vợ chồng anh là người trực tiếp nuôi tôm và mua bán thuốc, men xử lý nuôi tôm của ông Q còn ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị L1 và ông Võ Văn K1 không nuôi tôm, không có thỏa thuận mua bán với ông Q nhưng vợ chồng anh có nhờ đi lấy thuốc, men xử lý tôm và gửi tiền cho bà L1 nhờ đi trả cho ông Q. Việc thỏa thuận mua bán, hai bên không có làm hợp đồng nhưng quá trình lấy hàng hóa, anh có ký nhận vào hoá đơn bán lẻ và có trả được ông Q số tiền 60.000.000 đồng, hiện vợ chồng anh còn nợ ông Q số tiền 136.779.000 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng) và đồng ý trả số tiền nợ trên cho ông Q nhưng do hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng anh xin trả dần số tiền nợ trên. Ty nhiên, anh không xác định được số tiền cụ thể trả bao nhiêu vì hiện nay, vợ chồng anh nuôi tôm thất bại nên không có tiền để trả.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 07/3/2025, ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị L1 (bị đơn) trình bày: Ông, bà là cha mẹ của anh Võ Văn L2 (Võ Hoàng L). Ông, bà không có nuôi tôm công nghiệp cùng anh L, không có thỏa thuận với ông Võ Văn Q về việc mua thuốc, men xử lý nuôi tôm và không ký nhận sổ sách theo dõi nào của ông Q, không tham gia đối chiếu công nợ với ông Q mà giữa ông Q với anh L tự thực hiện với nhau.

Trong quá trình giao dịch, anh L có nhờ ông bà chở hộ thuốc, men xử lý nuôi tôm và có gửi tiền cho ông bà trả cho ông Q, ông bà không có bỏ tiền ra để trả. Nay ông Q yêu cầu ông bà có trách nhiệm liên đới với anh L trả số tiền còn nợ là 136.779.000 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng), ông bà không đồng ý. Đồng thời, ông bà xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, chị Trần Thị K (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) trình bày: Chị là vợ của anh Võ Hoàng L. Chị có cùng ý kiến với anh L và đồng ý cùng anh L trả nợ cho ông Võ Văn Q. Đối với việc ông Q yêu cầu ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị L1 là cha mẹ chồng cùng có trách nhiệm trả nợ, chị không đồng ý vì việc giao dịch làm ăn,

giữa vợ chồng chị với ông Q thỏa thuận với nhau, ông T cùng bà L1 không tham gia thỏa thuận gì với ông Q. Ngoài ra, chị không có ý kiến gì khác.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2025/DS-ST ngày 23/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân Quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn Q. Buộc anh Võ Hoàng L, chị Trần Thị K trả cho ông Võ Văn Q số tiền là 136.779.000 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/5/2025, ông Q kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm buộc ông T bà L1 cùng có nghĩa vụ liên đới với anh L chị K thanh toán cho ông 136.779.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện nguyên đơn cho rằng ông Q là người giao dịch ban đầu mua bán thức ăn, thuốc nuôi tôm với ông Q và cũng là người lấy hàng, trả một phần tiền cho ông Q nên yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông T bà L1 cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông Q.

Anh L, chị K cho rằng anh L là người trực tiếp giao dịch với ông Q, ông T bà L1 chỉ là người lấy hàng và trả tiền dùm, cho ông nên không liên quan đến số nợ, và yêu cầu được trả dần số nợ này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung, anh L là người giao dịch và ký chốt nợ nên không có căn xác định ông T bà L1 cùng có nghĩa vụ với anh L, kiến nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm số 95/2025/DS-ST ngày 23/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, không chấp nhận kháng cáo của ông Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức, nội dung đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo được ông Q thực hiện đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật TTDS, HĐXX sẽ xem xét kháng cáo của ông theo quy định. Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán nên cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Q: Về số nợ 136.779.000 đồng các bên thống nhất không tranh chấp nhiều hay ít và không kháng cáo nên HĐXX không can thiệp điều chỉnh, ông Q chỉ kháng cáo về nghĩa vụ thanh toán nên HĐXX phúc thẩm chỉ xét kháng cáo đối với yêu cầu này của ông Q.

Mặc dù ông T bà L1 và anh L chị K cho rằng số nợ trên không liên quan đến ông T bà L1 nhưng thực tế ông T bà L1 sống cùng nhà, sinh hoạt chung với anh L chị K, phần đất anh L chị K nuôi tôm là của ông T bà L1, bản thân ông T bà L1 cũng tham gia lấy thuốc, men xử lý nuôi tôm, trả nợ cho ông Q, tại phiên tòa anh L khai hiện tại phần đất này ông T bà L1 đang thế chấp cho Ngân hàng mục đích vay vốn phục vụ đầu tư cho việc nuôi tôm, cho nên khi xảy ra rủi ro phần đất này được đảm bảo chung cho việc đầu tư nuôi tôm, số nợ này cũng thuộc phạm vi của việc đầu tư nuôi tôm nhưng có phạm vi ngoài số nợ của Ngân hàng, do đó về nghĩa vụ

thanh toán ông T bà L1 cũng phải có trách nhiệm liên đới cùng anh L chị K, nên kháng cáo của ông Q được xem xét chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kiến nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Q, theo nhận định trên quan điểm của VKS là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3] Trong vụ án này đơn khởi kiện ông Q kiện ông T bà L1, anh L và ông K1, tại phiên tòa sơ thẩm ông Q rút yêu cầu khởi kiện ông K1, do ông K1 là một bị đơn trong vụ án, khi ông Q rút yêu cầu khởi kiện cấp sơ thẩm cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Q đối với ông K1 mới phù hợp, bản án sơ thẩm không tuyên đình chỉ mà nhận định không đưa ông K1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và loại ông K1 không còn trong danh sách bị đơn trong vụ án là vi phạm tố tụng, tuy nhiên vi phạm này không làm thay đổi bản chất của nội dung vụ án, nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm, mà cần đặt ra để rút kinh nghiệm chung đối với cấp sơ thẩm.

[4] Về án phí, do sửa án sơ thẩm nên HĐXX điều chỉnh lại nghĩa vụ người phải chịu án phí là anh L chị K và ông T bà L1 theo quy định tại điều 147 Bộ luật TTDS, do ông T bà L1 là người cao tuổi nên được miễn. Án phí phúc thẩm ông Q được miễn nộp theo quy định tại điều 148 Bộ luật TTDS.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148; khoản 2 Điều 308 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn Q, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 95/2025/DS-ST ngày 23/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân. *Tuyên Xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn Q. Buộc anh Võ Hoàng L, chị Trần Thị K cùng ông Võ Văn T bà Nguyễn Thị L1 liên đới trả cho ông Q số tiền là 136.779.000 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Q có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh L chị K cùng ông T bà L1 không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự.

- Án phí sơ thẩm có giá ngạch: Anh Võ Hoàng L, chị Trần Thị K phải chịu số tiền 3.419.000 đồng (ba triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng).

Ông Võ Văn Q không phải chịu và được miễn dự nộp.

- Án phí phúc thẩm: Ông Q không phải chịu và được miễn dự nộp.

3. Phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 3-CM;
- Phòng THADS Khu vực 3-CM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ninh Quang Thế